TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2017/DS-ST
Ngày: 15/6/2017
"V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và huê".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T - TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Thoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Thanh Tâm;

Ông Nguyễn Hữu Thỉnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Thu Hiền – Thư ký của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Sơn- Kiểm sát viên.

Ngày 15/6/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 70/2015/TLST-DS ngày 10/11/2015 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và huê" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2016/QĐST-DS ngày 25/4/2016 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Đào Thị T**, sinh năm: 1964;
Địa chỉ: Khu phố Mỹ Lệ Đ, thị trấn P, huyện T, tỉnh Phú Yên, có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông N, sinh năm: 1975; địa chỉ: 197 N, phường X, TP. T, tỉnh Phú Yên theo văn bản ủy quyền ngày 02/11/2015, có mặt.

2. Bị đơn: Bà **Lê Thị N**, sinh năm: 1963;
Địa chỉ: Khu phố P, thị trấn P, huyện T, tỉnh Phú Yên, có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
Chị **Lê Thị Ngọc Th** – sinh năm 1985
Địa chỉ: 05/1 T, phường 1, TP. T, tỉnh Phú Yên, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 05/7/2015 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Thời gian từ ngày 25/6/2014 ÂL đến ngày 09/4/2015 ÂL, bà Đào Thị T có cho bà Lê Thị N vay 06 lần với tổng số tiền gốc là 177.250.000 đồng, cụ thể:

Ngày 25/6/2014 âm lịch (là ngày 21/7/2014) vay 25.000.000 đồng và 40.000.000 đồng,

Ngày 17/9/2014 âm lịch (là ngày 10/10/2014) vay 100.000.000 đồng.

Ngày 26/3/2015 âm lịch (là ngày 14/5/2015) tiền nợ huê trước đây của bà N chuyển thành nợ vay là: 7.500.000 đồng.

Ngày 08/4/2015 âm lịch (là ngày 25/5/2015) vay 4.000.000 đồng.

Ngày 09/4/2015 âm lịch (là ngày 26/5/2015) vay 750.000 đồng.

Về lãi suất: Đối với các khoản vay, hai bên thỏa thuận lãi suất là 3%/tháng. Riêng khoản vay 100.000.000 đồng hai bên thỏa thuận lãi 8,5%/tháng.

Về thời hạn trả nợ: Đối với khoản vay 100.000.000 đồng thì thời hạn trả nợ là 01 tháng; khoản vay 25.000.000 đồng và 40.000.000 đồng thì bà N hẹn vài tháng sau trả; các khoản vay còn lại không thỏa thuận thời hạn trả cụ thể. Nguyên đơn nhiều lần đòi nợ nhưng bị đơn chỉ trả tiền lãi 01 lần là 2.000.000 đồng, còn lại tiền gốc và lãi đến nay vẫn không trả. Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn bà Lê Thị N phải trả số tiền gốc của khoản vay 65.000.000 đồng (vay ngày 21/7/2014), lãi suất là 1,6%/tháng tính từ thời điểm vay đến ngày xét xử sơ thẩm. Riêng khoản vay 100.000.000 đồng nguyên đơn chấp nhận trừ khoản tiền bà N đóng huê 6 đợt 37.200.000 đồng còn lại tiền gốc phải trả là 62.800.000 đồng và tiền lãi tính theo từng thời điểm trả huê đến ngày xét xử sơ thẩm, lãi suất 1.6%/tháng. Các khoản vay còn lại là 4.000.000 đồng, 750.000 đồng và nợ huê 7.500.000 đồng chỉ yêu cầu trả gốc, không yêu cầu trả lãi.

Bị đơn bà Lê Thị N trình bày:

Về khoản vay 25.000.000 đồng bà thừa nhận có vay của bà T, hai bên thoả thuận lãi 3%/tháng bà chưa trả nên chấp nhận trả. Khoản vay 40.000.000 đồng bà đã lấy tiền huê trả 37.800.000 đồng, còn lại 2.200.000 đồng bà đã trả trực tiếp cho bà T. Nay bà T đòi khoản nợ này thì bà không đồng ý trả. Đối với khoản vay 100.000.000 đồng bà thừa nhận có viết giấy vay nhưng bà đã trả 71.000.000 đồng (Trong đó: 01 lần trả 20. 000.000 đồng không có giấy tờ. Sau đó, bà đóng tiền huê 6 đợt mỗi đợt 7.500.000 đồng tổng cộng là 45.000.000 đồng, bà đưa cho con gái bà T là chị Th 4.000.000 đồng và trả trực tiếp cho bà T 2.000.000 đồng) nên bà chỉ còn nợ gốc 29.000.000 đồng, bà đồng ý trả lãi theo khoản tiền gốc này. Khoản nợ 7.500.000 đồng là nợ huê chứ không phải vay, bà cũng đã trả cho bà T. Khoản vay 4.000.000 đồng bà đã trả 1.000.000 đồng đưa tiền mặt trực tiếp cho bà T, còn lại 3.000.000 đồng bà đã trả theo hình thức góp 120.000 đồng/ngày và đã trả góp trong 27 ngày. Khoản 750.000 đồng bà thừa nhận có vay nhưng đã trả (không có giấy tờ gì). Như vậy, nay bà thừa nhận còn nợ của bà T tổng cộng là 54.000.000 đồng tiền gốc. Về lãi, đối với khoản vay 100.000.000 đồng hai bên thỏa thuận lãi là 8,5%/tháng nhưng nay Tòa án đưa ra xét xử thì bà yêu cầu tính lãi theo lãi suất do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Th trình bày: chị không nhận bất kỳ khoản tiền nào của bà N để trả cho mẹ chị là bà Đào Thị T.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự có mặt là chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc là 140.050.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất mà nguyên đơn yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

Các đương sự thống nhất vào năm 2014 và 2015, bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền như sau: ngày 21/7/2014 vay 65.000.000 đồng; 10/10/2014 vay 100.000.000 đồng; ngày 14/5/2015 vay 7.500.000 đồng; ngày 25/5/2015 vay 4.000.000 đồng và ngày 26/5/2015 vay 750.000 đồng.

Đối với khoản vay 25.000.000 đồng, hai bên có thỏa thuận lãi 3%, không có thời hạn trả nợ, nay nguyên đơn yêu cầu trả tiền gốc và lãi 1,6%/tháng kể từ ngày vay đến nay. Bị đơn cũng đồng ý trả nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn trả tiền gốc 25.000.000 đồng và lãi trong thời gian 34 tháng 24 ngày x 1,6%/tháng là 13.920.000 đồng.

Đối với khoản vay 40.000.000 đồng, nguyên đơn yêu cầu trả gốc và lãi theo lãi suất 1,6%/tháng, bị đơn cho rằng đã trả khoản tiền này nên không chấp nhận trả cả gốc và lãi. Hội đồng xét xử xét thấy trong giấy vay tiền không gạch khoản tiền này nên chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn khoản tiền gốc là 40.000.000 đồng, tiền lãi trong thời gian từ ngày vay đến ngày xét xử là 34 tháng 24 ngày, lãi suất do các bên có tranh chấp về lãi nên chỉ chấp nhận lãi suất 0,84% /tháng, như vậy khoản tiền lãi mà bị đơn phải trả là 11.692.800 đồng, bác yêu cầu của nguyên đơn khoản tiền lãi 10.579.200 đồng.

Đối với khoản vay 100.000.000 đồng, bị đơn cho rằng đã trả cho nguyên đơn 71.000.000 đồng nhưng nguyên đơn chỉ thừa nhận trả 2.000.000 đồng tiền lãi. Đối với số tiền gốc, nguyên đơn đồng ý trừ khoản tiền huê 37.200.000 đồng mà bị đơn tham gia chơi huê sau khi vay, còn lại bị đơn phải trả gốc là 62.800.000 đồng. Ngoài số tiền huê bị đơn đóng được nguyên đơn đồng ý trừ vào tiền vay thì bị đơn trình bày việc trả các khoản tiền khác không có giấy tờ gì. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn khoản tiền gốc là 62.800.000 đồng. Về tiền lãi được tính như sau:

Từ ngày 10/10/2014 đến 16/3/2015, tiền gốc 100.000.000 đồng nên tiền lãi phát sinh trong 05 tháng 7 ngày x 1,6%/tháng là 8.373.333 đồng.

Từ ngày 17/3/2015 đến 30/3/2015, trừ tiền huê (đợt 1 đóng ngày 27/01/2015 ÂL thành ngày 17/3/2015) 6.000.000 đồng, gốc còn lại là 94.000.000 đồng, lãi trong 14 ngày x 1,6%/tháng là 701.866 đồng.

Từ ngày 31/3/2015 đến 14/4/2015, trừ tiền huê (đợt 2) 6.000.000 đồng, gốc còn lại là 88.000.000 đồng, lãi trong 15 ngày x 1,6%/tháng là 704.000 đồng.

Từ ngày 15/4/2015 đến 29/4/2015, trừ tiền huê (đợt 3) 6.000.000 đồng, gốc còn lại là 82.000.000 đồng, lãi trong 15 ngày x 1,6%/tháng là 656.000 đồng.

Từ ngày 30/4/2015 đến 14/5/2015, trừ tiền huê (đợt 4) là 6.200.000 đồng, gốc còn lại là 75.800.000 đồng, lãi trong 15 ngày x 1,6%/tháng là 606.400 đồng.

Từ ngày 15/5/2015 đến 29/5/2015, trừ tiền huê (đợt 5) 6.500.000 đồng, gốc còn lại là 69.300.000 đồng, lãi trong 15 ngày x 1,6%/tháng là 554.400 đồng.

Ngày 30/5/2015 trả tiền huê (đợt 6) là 6.500.000 đồng, gốc còn lại 62.800.000 đồng. Từ đó, bị đơn không đóng tiền huê nữa nên tính tiền lãi trên số nợ gốc này là: Từ ngày 30/5/2015 đến 15/6/2017, gốc là 62.800.000 đồng, lãi trong 24 tháng 16 ngày x 1,6%/tháng là 24.651.093 đồng.

Như vậy, tiền lãi của khoản vay 100.000.000 đồng là 36.247.092 đồng trừ 2.000.000 đồng bị đơn đã trả nên còn lại là 34.247.092 đồng.

Đối với khoản nợ huê 7.500.000 đồng, nợ vay 4.000.000 đồng và khoản vay 750.000 đồng nguyên đơn chỉ yêu cầu trả gốc, bị đơn cho rằng đã trả cho nguyên đơn nhưng không có chứng cứ gì chứng minh nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Tổng cộng bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền **199.909.892** đồng, trong đó nợ gốc là 140.050.000 đồng và lãi là 59.859.892 đồng.

Bị đơn bà N có đưa người làm chứng để trình bày về việc bà trả nợ cho nguyên đơn những khoản trả không có chứng từ nhưng xét thấy những người làm chứng là con dâu và chị ruột bà N là không đảm bảo tính khách quan và nguyên đơn không thừa nhận nên không chấp nhận cho bị đơn.

Về án phí: nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu bị bác; bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 của Pháp lệnh về án phí, lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 463, 466, 468, 469, 471 của Bộ luật Dân sự; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn bà Lê Thị N phải trả cho nguyên đơn số tiền **199.909.892** đồng (*Một*

trăm chín mươi chín triệu chín trăm lẻ chín nghìn tám trăm chín mươi hai đồng), (trong đó nợ gốc là 140.050.000 đồng và lãi là 59.859.892 đồng).

Bác một phần yêu cầu của nguyên đơn đối với số tiền lãi 10.579.200 đồng.

Về án phí:

Bị đơn bà Lê Thị N phải chịu 9.995.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn bà Đào Thị T phải chịu 529.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.400.000 đồng tại Biên lai số 2153 ngày 09/11/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T nên hoàn lại cho nguyên đơn 3.871.000 đồng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Khánh Thoa